

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Điều.
- Ông Nguyễn Văn Bánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tiểu Y, sinh năm 2000; nơi cư trú: Ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Tiểu Y trình bày: Vào năm 2020, giữa nguyên đơn với bị đơn là anh Lê Minh T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do anh T không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Do đó, chị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị Y với anh T có 02 con chung là cháu Lê Đăng K,

sinh ngày 02/4/2020 và cháu Lê Đăng K1, sinh ngày 04/12/2021, hiện cả hai con chung đang sống với chị Y, khi ly hôn chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 14/8/2024 chị Nguyễn Tiểu Y trình bày: Về con chung hiện nay đang sống với chị Y; khi ly hôn chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn anh Lê Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tình tiết, sự kiện các bên thống nhất và không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Tiểu Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn anh Lê Minh T, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; do bị đơn cư trú tại ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn anh Lê Minh T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; vào ngày 14/8/2024 chị Nguyễn Tiểu Y có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Vụ án Tòa án không thu thập chứng cứ; căn cứ Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2026/TTLT-VKSNDTC-TANDTC, ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao: “Quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự”, thì vụ án không thuộc trường hợp Kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 24/4/2020, giữa chị Nguyễn Tiểu Y với anh Lê Minh T, xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Thời điểm chị Y với anh T đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do anh T không quan tâm, chăm lo cho gia đình; theo biên bản xác minh ngày 20/5/2024 được chính quyền địa phương cung cấp: nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Y với anh T dẫn đến ly hôn thì chính quyền địa phương không biết; thời gian anh chị ly thân cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn của chị Y là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị Y với anh T có 02 con chung là cháu Lê Đăng K, sinh ngày 02/4/2020 và cháu Lê Đăng K1, sinh ngày 04/12/2021, cả hai con chung hiện nay do chị Y đang nuôi dưỡng; đến thời điểm xét xử cháu K và cháu K1 đều chưa đủ 7 tuổi; quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì về nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung; xét thấy cháu K và cháu K1 do chị Y nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân cho đến nay, để ổn định sự phát triển bình thường của cháu K và cháu K1; do đó, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để tiếp tục giao cháu K và cháu K1 cho chị Y nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện, chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng; xét thấy việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, đây là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con khi ly hôn và không thể chuyển giao nghĩa vụ này cho người khác. Tuy nhiên, theo bản tự khai ngày 14/8/2024 chị Y không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng; đây là quyền tự định đoạt của đương sự, nên anh T chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì chị Y có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Y khai về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu có phát sinh yêu cầu về chia tài sản chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị Y là nguyên đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc chị Y phải chịu án phí.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Tiểu Y1.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Tiểu Y với anh Lê Minh T được ly hôn.

2. *Về con chung:* Tiếp tục giao cháu Lê Đăng K, sinh ngày 02/4/2020 và cháu Lê Đăng K1, sinh ngày 04/12/2021 cho chị Nguyễn Tiểu Y nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng:* Do chị Nguyễn Tiểu Y chưa yêu cầu nên anh Lê Minh T chưa phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì chị Y có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

4. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên không xem xét.

5. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Buộc chị Nguyễn Tiểu Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008616, ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Y đã nộp xong.

6. *Quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Thủy, h. Vị Thủy
(nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng